TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 03/2023/HS-ST
Ngày 15-02-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁNNHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Thanh

Bà Hoàng Thị Bích Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuỳ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2023/TLST-HS ngày 03/01/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, sinh ngày 12/12/1982 tại Thành phố Hải Phòng;

Nơi cư trú: Thôn AT, xã AL, huyện TN, Thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1954 và bà Bùi Thị T, sinh năm 1958; có vợ là Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1985 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2003; tiền án: 01 (Bản án số 41/HSST ngày 23/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện TN, Thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Văn L 07 năm tù về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ), ngày 16/8/2018 được tha tù trước thời hạn, thời gian thử thách 02 năm 24 ngày; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt ngày 05/01/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái (có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Vũ Văn Th1, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 7, thị trấn YB, huyện YB, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Đàm Thị H, sinh năm 1962

Địa chỉ: A2015 Garden Hill chung cư 99 TB, phường MĐ 2, quận NTL, Thành phố Hà Nội; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1985

Nơi ĐKHKTT: Thôn AT, xã AL, huyện TN, Thành phố Hải Phòng.

Chỗ ở: Căn hộ A5, tầng 26, tòa nhà SHB, số 12, phường LT, Quận NQ, Thành phố Hải Phòng; có mặt.

4. Nguyễn Hữu Ph, sinh năm 1989

Nơi ĐKHKTT: Thôn 2, xã LH, huyện PR, tỉnh Bình Ph.

Chỗ ở: Thôn NT, xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

5. Vũ Đức M, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn ALX, xã VT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

6. Bùi Thanh T1, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn AB, xã AL, huyện TN, Thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

7. Nguyễn Đức Th2, sinh năm 1971

Nơi ĐKHKTT: Thôn TV, xã PK, huyện BY, tỉnh Lào Cai.

Chỗ ở: Thôn 6, xã TL, huyện LY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

8. Lục Đình T2, sinh năm 1978

Nơi ĐKHKTT: Thôn TV, xã PK, huyện BY, tỉnh Lào Cai.

Chỗ ở: Thôn 6, xã TL, huyện LY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng*

1. Nguyễn Văn T3, sinh năm 1976

Nơi ĐKHKTT: Thôn TV, xã PK, huyện BY, tỉnh Lào Cai;
Chỗ ở: Thôn 6, xã TL, huyện LY, tỉnh Yên Bái vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Đào Văn Th3, sinh năm 1981

Nơi ĐKHKTT: Thôn KĐ, xã NK, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở: Số 52, đường PVĐ, Tổ 5, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Đào Văn H1, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Hoàng Xuân K, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn 3 PC, xã XL, huyện YB, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

5. Hoàng M H2, sinh năm 1989
Địa chỉ: Thôn LS, xã MT, huyện LY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

6. Nguyễn Thành D, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 80/51, đường DH, quận LC, Thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

7. Bùi Văn D1, sinh năm 1999

Địa chỉ: Khu CT, xã MĐ, huyện TN, Thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

8. Nguyễn Văn H3, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu TT, phường AQ, thành phố HD, tỉnh Hải Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

9. Phạm Văn S, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn AT, xã AL, huyện TN, Thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

10. Trần Văn Q, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn AT, xã AL, huyện TN, Thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

11. Lương Thị L1, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn LĐ, xã AL, huyện LY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

12. Mông Thế T4, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn NT, xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

13. Hoàng Văn Th4, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn KP, xã MT, huyện LY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

14. Chu Hoàng Việt A, sinh năm 1999

Địa chỉ: Tổ 9, thị trấn YB, huyện YB, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

15. Trần Xuân Th5, sinh năm 1967

Địa chỉ: Khu 7, xã ĐP, huyện HH, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

16. Nguyễn Ngọc M1, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu 6, xã ĐP, huyện HH, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/11/2020, Nguyễn Văn L cùng Đàm Thị H (Giám đốc Công ty TNHH Thương mại xây dựng khoáng sản VT, đóng tại số 404, đường LT, phường QT, thị xã ST, Thành phố Hà Nội) cùng một số người khác đến bãi tập kết vật liệu xây dựng của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng thương mại LPC (trụ sở tại tổ 03, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh Yên Bái) gặp bà Trần Thị V là vợ của ông Nguyễn Huy C - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng thương mại LPC (viết tắt là Công ty LPC) để trao đổi hợp tác cùng nhau khai thác cát. Trần Thị V nói cho H cùng mọi người biết V đang khai thác cát tại mỏ đã ký kết với Công ty TNHH HP (viết tắt là Công ty HP). Công ty HP đang đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản cho Công ty Cổ phần xây dựng AP Yên Bái (viết tắt là Công ty AP), phải đợi khi có quyết định cho phép Công ty HP hoàn tất việc chuyển nhượng mỏ cát cho Công ty AP và V phải ký kết hợp đồng khai thác khoáng sản được với Công ty AP thì V sẽ cùng H hợp tác khai thác cát tại mỏ này.

Cùng ngày, H và L đến nhà V (ở tổ 03, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh Yên Bái). Tại đây, V đưa ra 02 sơ đồ mỏ (bản phôtô) mà cơ quan có thẩm quyền đã cấp cho Công ty HP để H và L nắm được cụ thể hơn. Trên sơ đồ mỏ, V giải thích và chỉ cho H và L biết khi nào V ký kết hợp đồng hợp tác với Công ty AP thì sẽ hợp tác khai thác vào vị trí khu vực có chữ *"Khu 1"* thuộc địa phận xã TL, huyện LY, tỉnh Yên Bái đây là mỏ cát của Công ty HP mà V sẽ thực hiện khai thác; vị trí *"Khu 1"* theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1668/GP-UBND ngày 13/9/2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Yên Bái được xác định có hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $104^0$45', múi chiếu 3^0 như sau: điểm góc 1 X: 2445857, Y: 494482; điểm góc 2 X: 2445857, Y: 494500; điểm góc 3 X: 2445626, Y: 494524; điểm góc 4 X: 2445394, Y: 494514; điểm góc 5 X: 2445394, Y: 494476.

Đối với khu vực mỏ có ghi chữ *"Mỏ cát LPC"* là mỏ cát của Công ty LPC mà V đã chỉ cho H và mọi người tại thực địa, vị trí mỏ này đã bị Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái tước quyền sử dụng Giấy phép khai thác khoáng sản. Sau đó, V và H cùng nhau ký trước một bản hợp đồng hợp tác khai thác cát để sau này nếu V ký kết được với Công ty AP thì hai người sẽ cùng nhau khai thác. Để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng, V đề nghị H chuyển trước cho mình 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng) để đặt cọc. Ngoài ra, H còn mượn bãi tập kết vật liệu xây dựng của Công ty LPC để sử dụng.

Ngày 05/02/2021, Uỷ ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Giấy phép khai thác khoáng sản (chuyển nhượng) số 211/GP-UBND, cho phép Công ty HP chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản cho Công ty AP (trong đó có vị trí mỏ *"Khu 1"* nêu trên). Do Trần Thị V không ký được hợp đồng hợp tác với Công ty AP, vì vậy H và V hủy thỏa thuận hợp tác mà hai người đã đã ký kết trước đó. V đã trả lại cho H số tiền 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng) mà H chuyển cho mình để đặt cọc ký kết hợp đồng trước đó.

Sau đó, Nguyễn Văn L bàn bạc với H cùng nhau liên hệ với Vũ Văn Th1 - Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần khoáng sản và xây dựng HP (sau đây viết tắt là Công ty HP) để H ký kết hợp đồng hợp tác khai

thác cát tại khu vực mỏ của Công ty HP. Ngày 02/5/2021, H và Th1 ký kết hợp đồng hợp tác số 01/HĐKT/VT-HP khai thác cát tại các khu vực mỏ trên địa bàn sông Chảy đoạn thuộc địa phận xã MC, huyện LY, tỉnh Yên Bái để khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1330/GP-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái cấp ngày 10/7/2018. Theo đó, H sẽ đứng ra khai thác cát tại vị trí mỏ này. Ngoài các điều khoản có trong hợp đồng, Th1 đề nghị H tháng H phải nộp trước cho mình 300.000.000 đồng/tháng để nộp thuế, phí tài nguyên. Đến khi kiểm đếm, nghiệm thu khối lượng khoáng sản khai thác được, Th1 và H sẽ tính tỷ lệ ăn chia cụ thể đối với số tiền 300.000.000 đồng/tháng này.

Sau đó, các bên nhận thấy nếu H thực hiện khai thác tại khu vực xã MC, huyện LY, tỉnh Yên Bái thì không vận chuyển cát về tập kết tại bãi tập kết của Công ty LPC được do mực nước sông Chảy cạn, do đó H và Th1 thỏa thuận thay đổi vị trí khai thác, theo đó Th1 cho H thuê lại mỏ tại khu vực được xác định là *"Khu 1"* có diện tích 1,70ha mà Công ty AP đã giao khoán cho Th1 theo Hợp đồng giao khoán khai thác khoáng sản số 01/HĐGKKTKS ngày 02/5/2021, để thực hiện khai thác cát theo Giấy phép khai thác khoáng sản (chuyển nhượng) số 211/GP-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái cấp ngày 05/02/2021.

Theo giấy phép khai thác số 211/GP-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái xác định vị trí mỏ *"Khu 1"* có hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $104^0$45', múi chiếu 3^0 như sau: Điểm góc 1 X: 2445857, Y: 494482; điểm góc 2 X: 2445857, Y: 494500; điểm góc 3 X: 2445626, Y: 494524; điểm góc 4 X: 2445394, Y: 494514; điểm góc 5 X: 2445394, Y: 494476.

Sau khi hoàn tất các thỏa thuận như trên, Đàm Thị H bàn giao việc điều hành hoạt động khai thác cát cho L thực hiện. Về mốc giới mỏ, trước khi tiến hành khai thác, Th1 đã đưa L đến thực địa, chỉ vị trí khu vực mỏ "*Khu 1"* để L nắm được và tiến hành khai thác. Cát sau khai thác được H và L đưa về bãi tập kết vật liệu xây dựng của Công ty LPC mà H đã thuê lại của V. Để được sử dụng bãi tập kết này, V đề nghị H chuyển cho mình 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), do trước đó V đã đầu tư xây dựng vào bãi tập kết (gọi là bãi cát Hải Phòng).

Để chuẩn bị cho hoạt động khai thác cát, từ ngày 19/11/2020 đến ngày 12/4/2021, H đã chuyển cho L 1.333.500.000 đồng để mua sắm trang thiết bị, đầu tư cơ sở hạ tầng chuẩn bị cho hoạt động khai thác cát.

Khoảng đầu tháng 5 năm 2021, Nguyễn Văn L thuê các thuyền của Nguyễn Đức Th2, Nguyễn Văn T3, Hoàng Xuân K khai thác khoáng sản (cát) tại sông Chảy, sau đó đưa lên bãi tập kết tại Thôn NT, xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái (gọi là bãi tập kết số 1). Nguyễn Văn L vừa trực tiếp, vừa qua trung gian là Nguyễn Hữu Ph chỉ các vị trí khu vực trên sông Chảy cho các thuyền khai thác cát. Đồng thời, Nguyễn Văn L thuê một số người tham gia các hoạt động, chi trả tiền thuê mỏ, tiền thuê bãi tập kết cụ thể như sau:

- Thuê 03 máy xúc cát từ bãi tập kết lên các xe ôtô của khách mua hàng, trong đó: 02 máy đào nhãn hiệu DOOSAN và SUMITOMO của Vũ Đức M với giá thuê 40.000.000 đồng/máy/tháng; 01 máy đào của Đào Văn H1 với giá thuê 45.000.000 đồng/tháng;

- Thuê Nguyễn Hữu Ph làm một số công việc: Chỉ vị trí, khu vực trên sông Chảy cho các thuyền khai thác cát; cung cấp và theo dõi số lượng dầu diegen cho các thuyền, máy xúc, phao hoạt động; phụ trách bán hàng;

- Thuê Bùi Thanh T1 làm một số nhiệm vụ: Phụ trách bán hàng; theo dõi quản lý chi tiêu, chi phí phát sinh hàng ngày của bãi cát; theo dõi số lượng dầu cung ứng cho các thuyền, phao hút, máy xúc hoạt động; theo dõi tổng hợp khối lượng cát do các thuyền khai thác được.

Để theo dõi số lượng cát bán ra và tiền có được từ hoạt động bán cát hàng ngày, Nguyễn Văn L chỉ đạo Vũ Đức M thành lập nhóm zalo *"Bãi cát Tô Mậu 2.0"* để M tổng hợp số liệu cát do L, Ph và T1 bán ra để bản thân nắm được. Qua đó xác định từ ngày 01/5/2021 đến ngày 07/10/2021 bãi cát Hải Phòng đã tiêu thụ tổng số 109.244m^3 cát. Cụ thể:

+ Từ ngày 01/5/2021 đến ngày 31/5/2021 tiêu thụ 21.850m^3;

+ Từ ngày 01/6/2021 đến ngày 30/6/2021 tiêu thụ 24.760m^3 ;

+ Từ ngày 01/7/2021 đến ngày 31/7/2021 tiêu thụ 25.086,5m^3;

+ Từ ngày 01/8/2021 đến ngày 31/8/2021 tiêu thụ 23.966m^3;

+ Từ ngày 01/9/2021 đến ngày 30/9/2021 tiêu thụ 13.275,5m^3;

+ Từ ngày 03/10/2021 đến ngày 07/10/2021 tiêu thụ 306m^3.

Đối với khoáng sản sau khi khai thác được, Nguyễn Văn L giao cho Ph, M, T1 phụ trách bán cho các khách hàng. Trong thời gian từ ngày 01/5/2021 đến ngày 11/6/2021, H đã nhận tổng số 1.414.140.000 đồng tiền bán cát của bãi cát Hải Phòng (thông qua M) và cuối tháng 6 đầu tháng 7/2021 L chuyển thêm cho H 70.000.000 đồng. Sau đó, H chuyển lại cho L 876.000.000 đồng để tiếp tục duy trì hoạt động khai thác cát và H đã chi 256.876.000 đồng mua dầu Diegen cho L khai thác cát. Sau thời điểm trên, L chỉ đạo những người phụ trách bán hàng không chuyển tiền bán cát cho H nữa, mọi hoạt động sẽ do L quyết định, số tiền có được từ hoạt động bán cát sau này được chuyển trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của L hoặc của những người khác theo chỉ đạo của L để trả chi phí phát sinh cho bãi cát Hải Phòng.

Từ ngày 26/7/2021 đến 28/9/2021, Nguyễn Văn L đã chuyển cho Vũ Văn Th1 tổng số 430.000.000 đồng để nộp thuế, phí tài nguyên theo như nội dung mà H và Th1 đã thỏa thuận với nhau trước đó. Từ ngày 11/5/2021 đến ngày 05/10/2021, Nguyễn Văn L chuyển tổng số 300.000.000 đồng tiền thuê bãi cho Trần Thị V thông qua tài khoản ngân hàng của Nguyễn Văn H4.

Vào hồi 09 giờ 45 phút ngày 09/10/2021, tại khu vực sông Chảy (đoạn cách cầu TM khoảng 200m xuôi theo hướng về hạ lưu) thuộc địa phận Thôn NT, xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái, Công an tỉnh Yên Bái phát hiện 02 thuyền sắt không gắn số hiệu neo đậu bên phải bờ sông Chảy xuôi về hạ lưu đang thực hiện hành vi bơm cát trong khoang thuyền lên bãi tập kết trên bờ sông Chảy. Công an tiến hành kiểm tra, xác định tại *"bãi ngoài"* (được gọi là bãi tập kết số 01) còn tồn 10.879,5m^3 cát chưa tiêu thụ; *"bãi trong"* (được gọi là bãi tập kết số 02) còn tồn 3.952m^3 cát chưa tiêu thụ.

Kết quả tài liệu thu thập xác định các vị trí, khu vực mà Nguyễn Văn L chỉ cho các thuyền của Nguyễn Đức Th2, Nguyễn Văn T3, Hoàng Xuân K neo đậu trên sông Chảy và vị trí khu vực hệ thống phao nổi (Bãi tập kết số 02) neo đậu trên sông Chảy để thực hiện hành vi khai thác khoáng sản đều chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động khai thác khoáng sản, cụ thể:

** Vị trí khu vực các thuyền khai thác khoáng sản:*

Điểm neo đậu số 01:

+ Vị trí khu vực 01: X= 244.6399m, Y= 494.494m;

+ Vị trí khu vực 02: X= 244.6391m, Y= 494.479m;

Điểm neo đậu số 02:

Vị trí khu vực 03: X=244.6353m, Y= 494.464m;

Điểm neo đậu số 03:

+ Vị trí khu vực 04: X= 244.5877m, Y= 494.452m;

+ Vị trí khu vực 05: X= 244.5842m, Y=494.455m;

** Vị trí khu vực hệ thống phao neo đậu khai thác khoáng sản:*

Vị trí khu vực 06: X= 244.5466m, Y= 494.417m

Công văn số 2593/STNMT-KS ngày 23/11/2021 của sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái xác định: Các vị trí 01, 02, 03 và 06 không nằm trong diện tích được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép hoạt động khai thác khoáng sản; các vị trí 04, 05 nằm trong diện tích được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái cấp giấy phép thăm dò khoáng sản số 1982/GP-UBND ngày 31/10/2017 cho Hợp tác xã PQ, thời hạn thăm dò hết vào ngày 30/4/2018.

Công văn số 2271/STNMT-KS ngày 15/10/2021 của sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái xác định số khoáng sản khai thác trái phép tập kết tại bãi cát Hải Phòng là "Cát vàng dùng làm vật liệu xây dựng".

Theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 2578/KL-HĐĐG ngày 03/11/2021 và Công văn số 1174/CV-HĐĐG ngày 28/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Yên Bái:

+) 10.879,5m^3 cát vàng tại bãi tập kết số 01 (trên bờ sông Chảy thuộc địa phận Thôn NT, xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái) có giá trị 1.748.725.136 đồng;

+) 3.952m^3 cát vàng tại bãi tập kết số 02 (trên bờ sông Chảy thuộc địa phận Thôn NT, xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái) có giá trị 635.227.882 đồng.

(Tổng khối lượng khoáng sản có trên bãi tập kết số 01, số 02 là 14.831,5m^3, có tổng giá trị 2.383.953.018 đồng).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định khối lượng khoáng sản do Nguyễn Văn L chỉ đạo khai thác trái phép tại bãi cát Hải Phòng, đã tiêu thụ trong tháng 5/2021 đến tháng 10/2021 là 109.244m^3; theo Kết luận định giá tài sản số 718/KL-HĐĐG ngày 28/4/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh Yên Bái xác định giá trị cát L đã tiêu thụ là 14.045.282.592 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Trong thời gian từ 01/5/2021 đến 07/10/2021, Nguyễn Văn L thu được 5.422.829.000 đồng từ hoạt động khai thác khoáng sản nêu trên. Trừ đi chi phí trực tiếp để có được khối lượng khoáng sản (cát) là 4.522.230.000 đồng. Như vậy, Nguyễn Văn L đã thu lợi 900.599.000 đồng.

* Cáo trạng số 70/CT-VKS-P1 ngày 07/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên" theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Hình sự.

* Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã trả hồ sơ yêu cầu Viện kiểm sát điều tra bổ sung: Làm rõ trách nhiệm của Đàm Thị H, Vũ Văn Th1, Nguyễn Hữu Ph, Đào Văn Th3 và Công ty TNHH Thương mại xây dựng khoáng sản VT trong việc khai thác cát của Nguyễn Văn L; các chi phí liên quan, nhưng Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên".

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn L từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 và khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự,

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 14.093,81m^3 cát vàng; 01 phao hút cát; 05 điện thoại di động (01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS Max thu giữ của Nguyễn Văn L; 01 điện thoại di động VIVO và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG thu giữ của Nguyễn Hữu Ph; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 thu giữ của Vũ Đức M; 01 điện thoai di động nhãn hiệu IPHONE 6S thu giữ của Bùi Thanh T1 và 01 đầu thu camera nhãn hiệu HIKVISION đã qua sử dụng do Bùi Thanh T1 giao nộp).

+ Các quyển sổ và các quyển vở đề nghị Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái chuyển lại Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái để đưa vào hồ sơ vụ án.

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 530.000.000 đồng (trong đó có 100.000.000 đồng do Nguyễn Văn L nộp khắc phục hậu quả; 430.000.000 đồng do Vũ Văn Th1 nộp).

+ Truy thu đối với: Nguyễn Văn L số tiền 13.164.018.592 đồng, Đàm Thị H 351.264.000 đồng.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo khai báo thành khẩn, có ý kiến tranh luận về số tiền truy thu vì bị cáo không được hưởng lợi gì, lời nói sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Ng không yêu cầu Nguyễn Văn L phải trả lại số tiền mà Ng đã cho L vay; số tiền 100.000.000 đồng mà Ng nộp cho L để khắc phục hậu quả Ng cũng không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình chuẩn bị xét xử, nhận thấy còn thiếu các tài liệu chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án mà không thể bổ sung tại phiên tòa và việc khai thác cát trái phép của Nguyễn Văn L có dấu hiệu còn có các đồng phạm khác nên Tòa án đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhưng Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo thẩm quyền.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng vắng mặt, tuy nhiên sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng trên không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Lời khai Nguyễn Văn L phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa. Như vậy đã có đủ cơ sở xác định:

Từ ngày 01/5/2021 đến ngày 07/10/2021, tại khu vực sông Chảy (thuộc địa phận xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái), Nguyễn Văn L biết rõ các vị trí không được khai thác cát nhưng L đã chỉ đạo những người làm thuê khai thác cát tại 04 vị trí được sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái xác định không nằm trong diện tích được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép hoạt động khai thác khoáng sản và 02 vị trí được sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái xác định cấp giấy phép thăm dò khoáng sản số 1982/GP-UBND ngày 31/10/2017 cho Hợp tác xã PQ, thời hạn thăm dò hết vào ngày 30/4/2018. Nguyễn Văn L đã khai thác trái phép 124.075,5m^3 cát vàng có giá trị 16.429.235.610 đồng. Trong đó bị cáo đã thu được số tiền là 5.422.829.000 đồng từ hoạt động khai thác, tiêu thụ khoáng sản, trừ đi chi phí trực tiếp để có được khối lượng khoáng sản (cát) là 4.522.230.000 đồng, Nguyễn Văn L thu lợi 900.599.000 đồng. Việc khai thác cát không có giấy phép của Nguyễn Văn L đã vi phạm khoản 2 Điều 4 Luật Khoáng sản "*Chỉ được tiến hành hoạt động khoáng sản khi được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cho phép*". Hành vi của Nguyễn Văn L đã phạm vào tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên" quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quy định của Nhà nước về khai thác tài nguyên trong lòng nội thủy, ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường ven sông. Bị cáo là người có đủ năng lực nhận biết về hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có một tiền án (như đã nêu tại phần lý lịch), do vậy, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo đã tác động với gia đình nộp số tiền 100.000.000 đồng để khắc phục hậu quả nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Nguyễn Văn L có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên có đủ điều kiện áp dụng quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự để phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, Nguyễn Văn L đã bị tạm giam 01 năm 01 tháng 11 ngày, vì vậy, phạt tù Nguyễn Văn L bằng thời hạn đã bị tạm giam là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, không có thu nhập nên không phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về áp dụng biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và tài sản thu giữ trong vụ án:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 900.599.000 đồng qua hoạt động khai thác cát trái phép. Trong đó, xác nhận Vũ Văn Th1 đã nộp 430.000.000 đồng, Nguyễn Văn L đã nộp 100.000.000 đồng. Số tiền còn lại phải nộp: Buộc Đàm Thị H phải nộp số tiền 351.264.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn L còn phải nộp 19.335.000 đồng.

Đối với vật chứng 14.093,81m^3 cát vàng còn lại (theo biên bản bàn giao ba bên ngày 21/11/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Yên Bái, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái, Ủy ban nhân dân xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái) là tài sản do hành vi khai thác khoáng sản trái phép của bị cáo Nguyễn Văn L cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

Đối với 01 (một) phao hút cát là vật chứng thu giữ của vụ án cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max của Nguyễn Văn L, có giao dịch trong quá trình phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

Các vật không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho chủ sở hữu, gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG (tạm giữ của Nguyễn Hữu Ph); 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 (tạm giữ của Vũ Đức M); 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S và 01 đầu thu camera nhãn hiệu HIKVISION, số model: DS-72 08HUHI-K1/E đã qua sử dụng (tạm giữ của Bùi Thanh T1);

Đối với: 11 quyển sổ và 12 quyển vở (trong đó có 01 quyển vở bìa cứng và 11 quyển vở học sinh) là vật chứng của vụ án ghi chép nội dung khai thác và bán cát, có giá trị chứng minh hành vi phạm tội của Nguyễn Văn L, cần được chuyển lưu giữ cùng hồ sơ vụ án.

[6] Đối với những người tham gia tố tụng khác trong vụ án:

Tòa án đã trả hồ sơ yêu cầu Viện kiểm sát làm rõ trách nhiệm của Đàm Thị H, Vũ Văn Th1, Nguyễn Hữu Ph, Đào Văn Th3 và công ty TNHH Thương mại xây dựng khoáng sản VT trong việc khai thác cát của Nguyễn Văn L nhưng Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét trách nhiệm của các chủ thể này.

Tuy nhiên, cần kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý trách nhiệm của Vũ Văn Th1, Đàm Thị H trong quản lý giám sát việc cho thuê khoán lại khai thác khoáng sản theo giấy phép của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Đối với những người liên quan và những người làm chứng: Nguyễn Hữu Ph, Vũ Đức M, Bùi Thanh T1, Nguyễn Đức Th2, Lục Đình T2, Nguyễn Văn T3, Đào Văn Th3, Đào Văn H1, Hoàng Xuân K, Hoàng M H2, Nguyễn Thành D, Bùi Văn D1, Nguyễn Văn H3, Phạm Văn S, Trần Văn Q, Lương Thị L1, Mông Thế T4, Hoàng Văn Th4, Chu Hoàng Việt A, Trần Xuân Th5, Nguyễn Ngọc M1 quá trình điều tra xác định những người này không biết về việc các điểm mỏ khai thác cát là trái phép, cũng như đã có đơn đề nghị không giải quyết về trách nhiệm dân sự giữa họ và Nguyễn Văn L nên cơ quan điều tra không xem xét là phù hợp.

[7] Việc Viện kiểm sát đề nghị truy thu đối với Nguyễn Văn L số tiền 13.164.018.592 đồng là không chấp nhận vì quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ Nguyễn Văn L không thu được khoản tiền này từ việc khai thác cát trái phép.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 01 (một) năm 01 (một) tháng 11 (mười một) ngày tù, được trừ vào thời gian đã tạm giam từ 05/01/2022 đến 15/02/2023

là 01 (một) năm 01 (một) tháng 11 (mười một) ngày; thời hạn tù còn phải chấp hành: Đã hết.

Áp dụng khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố Tụng hình sự: Trả tự do cho bị cáo Nguyễn Văn L tại phiên tòa, nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền (Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội) xem xét xử lý trách nhiệm của Vũ Văn Th1 và Đàm Thị H trong việc giám sát việc cho khai thác cát trái phép của Nguyễn Văn L để xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Về áp dụng biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

4.1. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

- Số tiền Vũ Văn Th1 đã nộp 430.000.000 đồng;

- Số tiền Nguyễn Văn L đã nộp 100.000.000 đồng;

(Số tiền trên đã gửi vào tài khoản tạm giữ của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái).

- 14.093,81m^3 cát vàng còn lại và 01 phao hút cát tập kết tại Thôn NT, xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max của Nguyễn Văn L.

4.2. Truy thu nộp ngân sách Nhà nước:

- Đàm Thị H 351.264.000 đồng;

- Nguyễn Văn L 19.335.000 đồng.

4.3. Trả lại tài sản cho các chủ sở hữu:

- Trả cho Nguyễn Hữu Ph: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG;

- Trả lại cho Vũ Đức M: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6,

- Trả lại cho Bùi Thanh T1: 01 điện thoai di động nhãn hiệu IPHONE 6S; 01 đầu thu camera nhãn hiệu HIKVISION.

4.4. Chuyển sang Tòa án để lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 11 quyển sổ và 12 quyển vở (trong đó có 01 quyển vở bìa cứng và 11 quyển vở học sinh).

(Các vật chứng nêu trên có đặc điểm, dấu hiệu được mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/11/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Yên Bái và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái; Biên bản bàn giao ba bên ngày 21/11/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Yên Bái, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái, Ủy ban nhân dân xã Tô Mậu, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND Cấp cao;
- Vụ GĐKT1-TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cơ quan HS-NV Công an tỉnh Yên Bái;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Yên Bái;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Cục THA Dân sự tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo;
- Người có QL&NVLQ;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu: HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân